TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: **98**/2023/HS-ST
Ngày: 04/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Oanh; Bà Dương Thị Thảo.

- V ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - V ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Dương Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2023/TLST-HS ngày 14/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXXST-HS ngày 19/4/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1982**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 1, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: Số 1, ngõ 1, L, phường V, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Tất C; Con bà: Nguyễn Thị T *(Đã chết);* Gia đình bị cáo có 02 anh em, Bị cáo là con thứ hai; Chồng: Nguyễn Hồng Q; Con: Không; Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội;

2. Họ và tên: **Lương Thị D; Sinh năm: 1979**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký HKTT: Số X, ngách Y, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: Số x, ngõ y, N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 5/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo:

Không; Con ông: Lương Văn S *(Đã chết);* Con bà: Lương Thị H; Gia đình Bị cáo có 06 chị em, Bị cáo là con thứ 2; Chồng: Nguyễn Văn S *(Đã ly hôn);* Bị cáo có 02 con *(Sinh năm 1998 và sinh năm 2010);* Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2022 đến ngày 06/01/2023, hiện đang bị áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 13/LC-CQĐT(ĐTHS) ngày 06/01/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1979; HKTT: Số 1, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

(Chị H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hà Trọng M *(Sinh năm: 1989; HKTT: Khu x, xã L, huyện T, tỉnh P)* quen biết Nguyễn Thị T qua quan hệ xã hội, M được T giới thiệu bản thân có bán dâm và có thể gọi gái bán dâm cho khách. Ngày 27/12/2022, M cùng Hà Văn H *(Sinh năm: 1991; HKTT: Khu 8, xã L, huyện T, tỉnh P)* và Nguyễn Văn Q *(Sinh năm: 2000; HKTT: Cụm 4, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội)*, là bạn quen biết xã hội ngồi ăn uống với nhau tại quán Cafee The Corner *(Địa chỉ: đường H, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội)* thì nảy sinh ý định tìm gái để mua dâm. Cả ba lên mạng tìm gái bán dâm nhưng không được. Do điện thoại bị hỏng nên M mượn điện thoại của một nam thanh niên đánh giày dạo *(không rõ nhân thân)* rồi đăng nhập vào tài khoản Zalo "Htt" của M và liên hệ đến tài khoản Zalo "MA" số 0977023970 của T nhờ T tìm gái bán dâm cho L, T đồng ý và báo giá tiền một lần đi bán dâm là 1.000.000 đồng. H và Q ngồi bên cạnh thấy vậy mượn điện thoại của M cùng nhắn tin cho T để tìm gái bán dâm. T đồng ý tìm gái bán dâm cho nhóm của M tại khu vực Mỹ Đình và nói hiện đang ở Long Biên, nếu muốn T gọi gái bán dâm sang Mỹ Đình thì phải ứng trước cho T tiền xe đi lại 1.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu đồng),* L, H, Q đồng ý mỗi người góp 400.000 đồng, sau đó M chuyển khoản 1.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu đồng)* đến số tài khoản 19034976408015 của Nguyễn Thị T tại Ngân hàng Techcombank, tiền thừa còn lại để trả tiền Cafee. Sau khi nhận được tiền, khoảng 16 giờ cùng ngày, T nhắn tin đến Zalo "Zin Zin" số 0911635803 của Lương Thị D để rủ D đi bán dâm. T bảo D rủ thêm

chị Nguyễn Thị H *(Sinh năm: 1979; HKTT: Số 10A, Điện Biên Phủ, phường Điên Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội)* đi bán dâm cùng. Sau đó T chuyển khoản số tiền 660.000 đồng đến tài khoản số 19030948788011 của D tại Ngân hàng Techcombank, là tiền khách đưa trước cho D và H để di chuyển đến địa điểm bán dâm. D đồng ý và nhắn tin đến Zalo "Hà" số điện thoại 0934460828 của H để rủ H đi bán dâm, đồng thời chuyển khoản số tiền 330.000 đồng (tiền di chuyển đến địa điểm bán dâm khách đưa) đến tài khoản số 19027481963016 của H tại Ngân hàng Techcombank. Sau đó, T , D và H hẹn nhau sáng ngày 29/12/2022 sẽ đi bán dâm cho khách.

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 29/12/2022, D và H đi xe máy đến gặp nhau tại khu vực ngã 3 Cầu Giấy, còn T đi xe buss đến. Sau đó, cả ba đi đến địa điểm hẹn là quán Cafee The Conner, đường Hàm Nghi, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Khi đến nơi cả ba gặp L, H và Q đang ngồi uống Cafee. Lúc này H và Q mỗi người đã đưa cho M 1.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu đồng)* để góp tiền trả cho gái bán dâm, M đưa số tiền này cho T để lại cho D và H mỗi người 1.000.000đồng. Sau khi nhận tiền, tất cả cùng nhau đi đến khách sạn Patel Hotel Hà Nội, địa chỉ Số 51A, ngõ 35, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. M vào gặp chị Nguyễn Thị V *(Sinh năm: 1998; HKTT: Xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội)* là lễ tân khách sạn lấy 3 phòng 401, 402 và 501 sau đó đưa chìa khóa cho H và Q. M cùng D lên Phòng 402, Q cùng H lên Phòng 401, H cùng T lên Phòng 501. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang mua bán dâm, bị Đội Cảnh sát hình sự, Công an quận Nam Từ Liêm phối hợp với Công an phường Mễ Trì tiến hành kiểm tra phát hiện.

Quá trình kiểm tra tạm giữ: 03 bao C su đã qua sử dụng;

Tạm giữ của Nguyễn Thị T: 01 điện thoại Samsung J7 màu đen và số tiền 1.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu đồng);* Tạm giữ của Lương Thị D: 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu xanh đen và số tiền 1.330.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng);* Tạm giữ của Nguyễn Thị H: 01 điện thoại OPPO Reno6 màu xám và số tiền 1.330.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng);*

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T và Lương Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Đối với Khách sạn Patel Hotel Hanoi là nơi các đối tượng thực hiện hành vi mua, bán dâm, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của Công ty TNHH A

(địa chỉ tại: Số x, ngõ y, đường M, tổ dân phố P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội), do bà Nguyễn Thị Thu Tr, là người đại diện theo pháp luật. Ngày 12/12/2020, bà Tr có Hợp đồng ủy quyền giao toàn quyền quản lý và kinh D, lưu trú tại Khách sạn Patel Hotel Hanoi cho ông Ngô Sỹ C *(Sinh năm: 1974; HKTT: Phường T, quận C, thành phố Hà Nội)*. Ông C thuê chị Nguyễn Thị V là nhân viên lễ tân khách sạn. Thời điểm xảy ra sự việc, ông C và chị V không biết việc các đối tượng thực hiện hành vi mua, bán dâm, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Đối với việc cơ sở kinh D không thực hiện đầy đủ quy trình kiểm tra, lưu trữ thông tin của khách hàng đến lưu trú, người đến thăm khách lưu trú theo quy định của pháp luật, ngày 17/3/2023, Công an quận Nam Từ Liêm đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 376/QĐ-XPHC, đối với Công ty TNHH Ap Hà Nội theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ, hình thức phạt tiền: 7.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy triệu đồng)*

Đối với các đối tượng có hành vi mua của Hà Trọng L, Hà Văn H và Nguyễn Văn Q , hành vi bán dâm của Nguyễn Thị H, ngày 16/3/2023 Công an quận Nam Từ Liêm đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 372,373,374,375/QĐ-XPHC đối với L, H và Q về hành vi Mua dâm theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Nghị số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ, hình thức phạt tiền: 1.500.000 đồng/người; Phạt tiền 400.000 đồng đối với H.

Theo Cáo trạng số: 96/CT-VKSNTL ngày 11/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: *"Môi giới mại dâm"* theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Lương Thị D về tội: *"Môi giới mại dâm"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định: ***"Điều 328. Tội môi giới mại dâm***

1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

.....

đ) Đối với 02 người trở lên;"

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị T và Lương Thị D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các Bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

quận Nam Từ Liêm truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố là đúng với hành vi mà các Bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo đã rất ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo và được cải tạo ngoài xã hội, cũng là bài học để các Bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Luận tội của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và kết luận, giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T về tội: *"Môi giới mại dâm"* theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Lương Thị D về tội: *"Môi giới mại dâm"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

Các Bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, các Bị cáo đều phạm tội lần đầu, Bị cáo D phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 38 tháng đến 42 tháng tù, từ ngày 29/12/2022;

Đối với bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 328; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo D từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

Về hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, các Bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: 03 bao C su đã qua sử dụng; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện dùng vào việc phạm tội của các Bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm có: 01 điện thoại Samsung J7 màu đen và số tiền 1.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu đồng),* tạm giữ của Bị cáo T ; 01 điện thoại Samsung A12 màu xanh đen và số tiền 1.330.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng),* tạm giữ của Bị cáo D; 01 điện thoại OPPO Reno6 màu xám và số tiền 1.330.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng)*, tạm giữ của chị Nguyễn Thị H. Buộc Bị cáo T nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 340.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* do Bị cáo phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của Bị cáo Nguyễn Thị T và Lương Thị D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Ngày 29/12/2022, Nguyễn Thị T có hành vi môi giới cho Lương Thị D đi bán dâm, theo yêu cầu của T, D gọi thêm Nguyễn Thị H đi bán dâm cùng với giá 1.000.000đồng/lần/người. Khoảng 12 giờ ngày 29/12/2022 tại khách sạn Patel Hotel Hà Nội, tại địa chỉ: Số 51A, ngõ 35, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị T đang bán dâm cho Hà Văn H, Nguyễn Thị H đang bán dâm cho Nguyễn Văn Q, Lương Thị D đang bán dâm cho Hà Trọng M thì bị Đội Cảnh sát hình sự, Công an quận Nam Từ Liêm kiểm tra phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Môi giới mại dâm"* theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Hành vi nêu trên của Bị cáo Lương Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Môi giới mại dâm"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố Bị cáo T và D về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn, là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh lành mạnh và đạo đức xã hội chủ nghĩa, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến những quy định của Nhà Nước về phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo T đã có hành vi làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt, tạo điều kiện để bị cáo D và L, H và Q thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Bị cáo D đã có hành vi làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt, tạo điều kiện để H và Q thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Các Bị cáo nhận thức rõ việc môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, các Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Xét thấy các Bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, các Bị cáo đều phạm tội lần đầu, Bị cáo D phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các Bị cáo, thể hiện ở mục đích phạm tội, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, khi lượng hình, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo T , cách ly Bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Đối với Bị cáo D, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên căn Điều 65 của Bộ luật hình sự, không cần thiết phải cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao Bị cáo về chính quyền địa phương, nơi Bị cáo cư trú, để giám sát giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách, Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo, cũng có tác dụng giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T từ 38 tháng đến 42 tháng tù; Áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo D từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18

tháng đến 24 tháng, là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các Bị cáo gây ra và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Xét các Bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tuyên tịch thu tiêu hủy: 03 bao C su đã qua sử dụng; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo và số tiền do các Bị cáo phạm tội mà có gồm có: 01 điện thoại Samsung J7 màu đen và số tiền 1.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu đồng),* tạm giữ của Bị cáo T ; 01 điện thoại Samsung A12 màu xanh đen và số tiền 1.330.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng),* tạm giữ của Bị cáo D; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước số tiền 1.330.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng),* tạm giữ của chị Nguyễn Thị H; Trả lại chị H: 01 điện thoại OPPO Reno6 màu xám, tạm giữ của chị H, nhưng không phải là vật chứng. Buộc Bị cáo T nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 340.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* do Bị cáo phạm tội mà có.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T và Lương Thị D phạm tội: "Môi giới mại dâm";

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị T 36** *(Ba mươi sáu)* **tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2022.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 328; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lương Thị D 09** *(Chín)* **tháng tù, nhưng cho hưởng án treo**, **thời gian thử thách 18** *(Mười tám)* **tháng kể từ ngày tuyên án**. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân phường Láng Vợng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy: 03 bao C su đã qua sử dụng; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước:

- Số tiền 3.660.000 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng);*
- 01 điện thoại Samsung J7 màu đen, có số IMEI1: 352808091070425; IMEI2: 352808091070423;
- 01 điện thoại Samsung A12 màu xanh đen có số IMEI1: 357026898905785; IMEI2: 357412788905780;
- Trả lại chị H: 01 điện thoại OPPO Reno6 màu xám có số IMEI1: 868311056199856; IMEI2: 868311056199849;

(Có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 159, đề ngày 13/4/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Theo Giấy nộp tiền ngày 12/4/2023, tại Ngân hàng TMCP Công Vơng Việt Nam, Chi

nhánh Nam Thăng Long, Phòng giao dịch Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

- Buộc Bị cáo T nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 340.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi nghìn đồng);*

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, Khoản 1, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Vòng vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Bị cáo T, D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- UBND phường Láng Thượng, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội;
- Gia đình bị cáo D;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ T

Nơi nhận :
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
-UBND xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Gia đình bị cáo Thúy;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ T